今嘉定風景咏

KIM GIA-ĐỊNH PHONG-CẢNH VỊNH

SAIGON D'AUJOURD'HUI

P. J. B. TRƯƠNG-VĨNH-KÝ
CHÉP RA CHỮ QUỐC-NGỮ,
VÀ DẪN-GIẢI.

公暇便攬
士識

張
永
記
註解

SAIGON
BẢN-IN NHÀ HÀNG C. GUILLAND ET MARTINON.

1882

Diệu vịnh nầy là của hai Đức ở Chợ-lớn hiệu là Tập-phước, (mới mất năm nay) làm về địa-cảnh đất Chợ-lớn, Bến-nghé đời bây-giờ kể từ Phú-lang-sa lại cho tới nay, lập ra thể nào, khen khéo đặt-để sửa-sang cho ra cảnh tốt, cho nên thú vui.

Văn đặt thật tình, lời nói dễ hiểu; cũng nên in ra để đời cho người-ta coi, cùng để lại cho người đời sau cho biết đời nay đất nầy là như-vậy, hoặc sau sẽ ra tốt hơn nữa chăng? dầu cuộc đổi-dời cồn có hóa nên vực, vực có hóa cồn đi nữa, thì cũng hãy-còn tích lại mà nhắc.

P. J. B. TRƯƠNG-VĨNH-KÝ.

GIA-ĐỊNH
PHONG-CẢNH QUỐC-ÂM CA-VỊNH.

Công dư đương lúc thạnh-thời,
nhìn trông phong-cảnh đặt lời nôm-na;
Dở-dang việc trước kể ra,
thấu tai những khách phương xa nghe cùng.
Đổi-dời là máy hóa-công, (1)
mở đường tang hải (2), kết vòng phiền- hoa. (3)
Vận trời năm thứ mười ba, (4)
Việt-nam cùng Phú-lang-sa giao-hòa.
Riêng chia sáu tỉnh sơn-hà,
Định-tường, Gia-định, Biên-hòa, Vĩnh-long,
An-giang tỉnh sắp vô trong,
đến Hà-tiên tỉnh giáp vòng Cao-mên.
Bái bình hai chữ chiếu vàng, (5)
sông êm Bến-nghé, khói tan đám-Rồng. (6)
Hết ai xưng bá xưng hùng,
Tháp-mười dồn phá, Gò-công lũy bằng. (7)
Lệnh trời một tiếng đã rằng:
Hoàng-triều đóng ấn, đình-thần kí tên.
Người giao người lãnh thuận tình,
mấy điều nghị-ước đôi bên như lời.

---

(1) *Hóa-công* là thợ-gây-dựng chỉ là Trời (= chỉ là Chúa là đấng dựng-nên trời đất muôn vật). Những sự đổi-dời dưới đời đều bởi tay người mà ra cả.

(2) *Tang-hải* là giâu biển nghĩa-là cuộc đổi-dời là cồn giâu hoá nên biển, biển hoá nên cồn giâu. (=cồn hoá vực, vực hoá cồn). = bể giâu = tang thương. (tang điền biến vi thương hải, thương hải biến vi tang điền.)

(3) là bây-giờ lại làm ra đất phiền-hoa càng ngày càng lịch-sự hơn thuở trước.

(4) Chỉ là nhâm năm thứ 13 hiệu Tự-đức.

(5) Chiếu vàng là chiếu của vua ra.

(6) Đám (chòm) Rồng là cù-lao Rồng dưới Định-tường.

(7) Tháp-mười là chỗ giặc Thiên-hộ Dương đóng mà cự với Tây. (Tháp mười thuộc Định-tường) Gò-công là chỗ Lãnh Định đóng binh cự với Tây thuộc tỉnh Gia-định.

Quan quân rày đặng thảnh-thơi,
lập đàng hờn giận, kết người anh em.
Muôn dân nệm ấm gối êm,
khỏi điều lưu-lạc lại thêm sum-vầy.
Xưa Nam nay đã về Tây,
Lang-sa nguyên-soái một tay quờn-hoành.
Gồm coi thủy-lục chư dinh, (1)
Một mình khiển tướng một mình đề binh;
Ngồi trên cầm mực công-bình,
sửa-sang địa-thế, tập-tành dân-phong; (2)
Bình-dương với huyện Tân-long,
đặt làm thành-phố chỗ trong chỗ ngoài. (3)
Sài-gòn Chợ-lớn chia hai,
tên thì có khác, đất thì cũng liền. (4)
dưới sông tàu lửa đậu liền,
Từ đồn Giao-khẩu sắp lên Bà-nghè. (5)
Thông-lưu các nước bộn-bề,
Có tàu Đông-việt, có ghe Bắc-kì. (6)
Bán-buôn vật nọ hàng kia,
Lao-xao thương-khách xiết gì là đông.
Chiếc qua chiếc lại đầy sông,
mù-mù khói tỏa, đùng-đùng máy kêu. (7)

---

(1) *thủy lục chư dinh* c. = thủy bộ các dinh.

(2) Sửa-sang địa-thế là đào kinh đắp đàng, xây thành đắp lũy; lập phố-phường. *Tập-tành dân-phong* là tập-tành dạy-dỗ cho dân biết thói lành thói tốt mà noi giữ.

(3) Đất Bình-dương là Sài-gòn; nay lập ra thành-phố theo phép bên Tây. Huyện Tân-long là chỗ Chợ-lớn nay cũng lập làm thành-phố theo thói bên Tây.

(4) Sài-gòn với Chợ-lớn tuy là chia ra làm hai thành-phố, đặt ra hai tên khác nhau, mà đất thì liền đường đất.

(5) Từ đồn Giao-khẩu là đồn Cá-trê (Tả bình đồn, hữu bình đồn) chạy lên tới rạch Thị-nghè.

(6) Tàu các nước, đông-việt là các nước bên đông, lại có ghe bầu các tỉnh ngoài Bắc vô buôn-bán.

(7) Coi xa thấy khói nó bay lên mù-mù; lại gần nghe tiếng máy nó kêu cục-kịch cục-kịch.

Những tàu đồng đát sắt neo,
Càng nhìn tận mặt càng xiêu cả hồn. (1)
Sợ chi nghịch thủy nghịch phong,
dầu lòng chạy ngược dầu lòng chạy xuôi. (2)
Dưới sông sự-tích thấy rồi,
thôi thì trót thể thì coi trên bờ.
Gia-tân nền trạm thuở xưa,
Ngày nay có dựng cột-cờ gần bên. (3)
Tư bề dây-thép giăng lên,
Lưu-thông các xứ báo tin truyền lời. (4)
Đàng xa ba bốn ngày trời,
máy dây đi một khắc thời tới nơi.
Chuyện-trò mấy tiếng mấy lời,
hẳn-hòi nào có vi-sơ chút nào. (5)
Cánh chim bay hãy còn lâu,
máy này sức mạnh quá mau dư mười.
Nhiều nơi cơ-xảo khác đời,
gẫm điều nên lạ, gẫm tài nên hay:
Những là máy để cưa cây,
máy xay lúa gạo, máy may áo quần.
Máy đàng máy tuyết lạ chừng,
để coi trước mắt, khó phân ra lời. (6)

---

(1) Tàu đất đồng, neo thì neo sắt, càng thấy gần càng kinh.

(2) *Nghịch thủy nghịch phong:* cả ngược nước ngược gió, cũng không hề gì, chạy tới chạy lui cũng được mặc ý.

(3) Cái trạm Gia-tân thuở trước ở tại vàm Bến-nghé, nơi có dựng cột cờ thủ-ngữ bây-giờ đó.

(4) Có đường dây thép ở trong Chợ-lớn ra, ở dưới cửa lên v.v.

(5) Nói tiếng gì thì dây thép cứ đánh tiếng này hẳn-hòi không sai chút nào. Đánh chữ quốc-ngữ cũng được, mà dấu thì bỏ không được mà-thôi

(6) Kể những máy kia máy nọ cơ-xảo hết cho tới máy làm đường, máy làm nước tuyết; cứ thấy trước mặt thì còn miễn-cưỡng, mà đem ra mà nói thì không biết nói làm-sao cho được; thấy thì hay thấy, mà nói lại thì khó.

Từ đây biết sức thầy tài,
Nhiều tay khôn-khéo, nhiều người giàu-sang.
Của kho xuất phát bạc vàng,
Lập ra trại lính dinh quan thiếu gì? (1)
Có tòa Nguơn-soái lạ-kì,
đá xây làm cột sắc vây làm rào;
Năm từng lầu rộng lại cao,
cờ treo trước cửa, quân hầu ngoài sân.
Rỡ-ràng có chất có văn, (2)
Biết chừng nào tốt, biết chừng nào khen? (3)
Giá dư trăm vạn trăm ngàn,
công-phu mà sợ, bạc-tiền mà kinh. (4)
Tam-tòa lập sở công-bình,
để phân tội trọng tội khinh cho người. (5)
Thượng-tòa phúc-án các nơi,
những người kêu ức, những người kêu oan. (6)
Có nhà mi-phạm cầm-giam,
ngục-môn là chữ, khám-đường là tên. (7)
Có nhà nuôi kẻ tật-nguyền,
thuốc-thang cho uống, cơm tiền cho ăn. (8)
Có nhà dạy học thơ-văn,
chiếu giường sẵn cấp, áo quần sẵn ban. (9)
Có người phòng-ngự đoài gian,
Ngày đêm đi khắp các đàng tuần-canh.

---

(1) Nói của Nhà-nước để kho xuất-phát tiền bạc ra mà lập dinh trại các nơi.

(2) *Chất* là cái chắc cái thiệt; văn là cái vẻ sáng hoa-mĩ.

(3) Nói tòa Nguyên-soái làm đã chắc mà lại khéo, tốt không biết chừng nào, khen cũng không xiết nổi khen.

(4) Giá xuất ra mà cất nó quá trăm vạn; thấy việc-làm mà sợ, thấy bạc-tiền tốn mà kinh.

(5) Có lập sở Tam-tòa để xử việc cho công cho người-ta.

(6) Có tòa sơ, có tòa phúc để có oan-ức việc chi thì kêu lại.

(7) Lại có khám-thất để mà mi-giam, cùng phạt kẻ có tội.

(8) Lại lập ra có nhà-thương để nuôi kẻ bệnh-hoạn tật-nguyền.

(9) Lại có nhà-trường dạy học chữ-nghĩa văn-chương, Trong trường có sẵn hết, món ăn món uống chỗ ăn chỗ nằm, cũng đồ ăn đồ mặc giấy mực sách-vở đều là của Nhà-nước cấp cho hết thảy.

Áo đen tay có viền xanh,
tiếng kêu Police, Giám-thành là tên. (1)
Có trường ban súng diễu binh,
tập-luyện nhiều cách, công-trình nhiều năm. (2)
Có vườn nuôi thú nuôi cầm,
mấy ngàn thảo-mộc, mấy trăm phi-trùng. (3)
Có trường đấu-xảo lạ-lùng,
Chư-ban đủ món, bá công đủ nghề. (4)
Những đồ các nước thiếu chi?
vật khen trọng-thưởng, vật chê phát-hồi.
Dập-diều kẻ tới người lui,
Bên coi thứ nọ, bên coi thứ nầy.
Biết bao-nhiêu khéo nhiêu hay!
cuộc vui kể trót tháng chầy mới thôi.
Trường đua xe ngựa cũng vui,
hơn thì có thưởng, thua lui ra về. (5)
Xa gần đất chợ làng quê,
cùng nhau đem ngựa đem xe đến tràng.
Cười-cười nói-nói vang đàng,
kể sao xiết đặng muôn ngàn người đông.
Chẳng phiền hao của tốn công,
mở đàng ngang dọc, đào sông ván dài. (6)
Đàng thì đã rộng lại ngay,
trên đầu che mát có cây hai hàng. (7)

---

(1) Lại ngoài đường ngoài sá có lính canh lính tuần kẻ gian, mặc áo đen, áo trắng, tay có viền xanh, kêu là Police, tục hay gọi là lính giám-thành.

(2) Cái trường tập súng ngoài đồng chỗ mỏ-súng cũ.

(3) Lại có lập sở riêng trồng đủ các loài thảo-mộc cây-cối hoa-quả; cũng nuôi thú-vật đủ các loài các thứ để cho người-ta coi.

(4) Lại có trường đấu-xảo, để cho người-ta đem đủ các món đồ nghề trong bá công bá nghệ mà thi tài. Cái nào tốt, khéo, lạ thì thưởng.

(5) Lại còn có lập cuộc đua ngựa đua xe để cho thiên-hạ coi chơi; lại có ý để cho người-ta lựa ngựa mà nuôi cho hay.

(6) Nhà-nước không nệ tốn công, không sợ hao của; lo làm tiện việc thông-thương, trên bộ thì mở đường đi cái ngang cái dọc, rộng lại ngay; lại đào ngòi xẻ rãnh cho thông đường nước, khai kinh, vét rãnh cho ghe-cộ đi cho dễ.

(7) Đường thì làm rộng bề ngang, bề dài thì làm ngay thẳng như giăng; lại trồng hai bên hai hàng cây cho mát người bộ-hành.

Mỗi-sông có bắc cầu ngang;
đá xây bốn phía sắt ràng hai bên. (1)
Mỗi đàng tối có thắp đèn,
dưới sông trên bộ sáng liền nối nhau. (2)
Năm canh rực-rỡ một màu,
như trăng chói đất, như sao tỏa trời.
Biết bao-nhiêu thú chơi-bời?
những nơi hí-viện, những nơi tửu-lầu. (3)
Phong-lưu lắm thú phong-lưu,
ngồi xe cỡi ngựa mặc dầu ý ai. (4)
Thiếu chi gái sắc trai tài,
áo quần rực-rỡ hớn-hài xuê-xoang?
Phố-phường tỏa dọc dẫy ngang,
có hàng đồ Bắc, có hàng đồ Nam.
Bán-buôn tiền vạn bạc ngàn,
nhộn-nhàng khiêng-gánh lăng-xăng ra vào.
Đêm thì tiệc khách lao-xao,
đứa rao *ngưu-nại*, đứa rao *hạnh-trà*. (5)
Đứa thì cháo-vịt cháo-gà,
cùng là *công-bính* (6) cùng là hoa-sanh. (7)
Những là *đậu-chúc* (8) *liên-canh*, (9)
sa-lê (10) quả-từ ngồi quanh các đàng.

---

(1) Sông rạch thì bắc cầu, xây đá làm nền, hai bên tay-vịn thì làm sơ-ly bằng sắt.

(2) Tối lại có đèn thắp từ chặng từ chặng ngoài đường đi; sáng trưng.

(3) Thú chơi thì biết là mấy đám hát (hí-viện)? hát tây, hát Nhựt-bổn, hát Quảng-đông, hát Kì-lia: Lại có quán bán rượu bán chè: có lầu khách bán đồ ăn uống rượu chơi-bời đủ thứ.

(4) Về sự phong-lưu cũng hiếm cách phong-lưu: hoặc ngồi xe, hoặc cỡi ngựa mà đi chơi ... nam thanh nữ tú chẳng thiếu. Phố-phường tỏa ngang dẫy dọc, bán đủ các món hàng, đồ tây đồ tàu, hàng Bắc hàng Nam ê-hề.

(5) *Ngưu nại* là sữa bò, *hạnh-trà* là nước bột hạnh-nhân có bỏ đường.

(6) *Công-bính* là *Mãng-công-piếng*, là thứ bánh nó làm bằng cơm-cháy.

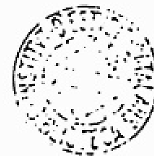
(7) *Hoa-sanh* là lạc-hoa-sanh, nghĩa là đậu-phộng. Ngoài Bắc kêu đậu-phộng là *lạc*, nghĩa-là *lạc-hoa-sanh* là tiếng chú.

(8) Đậu-chúc, chệc nó rao *Lộc-tầu-chúc* = là chè có đậu-xanh với đường.

(9) *Liên-canh* là cháo bột-sen bỏ đường, nó rao: *tiếng-chí-cún*.

(10) *Sa-lê* là trái-lê, ăn dòn rạo-rạo như có cát.

Đèn chong ghế sắp hai hàng,
để mê con-mắt, để hoan tâm-tình. (1)
Dẫu không ví cảnh Bông-dinh,
cũng là thứ nhứt các thành cõi Nam. (2)
Chẳng tiên song cũng khác phàm,
ai gây mà đặng ai làm mà ra?
Non sông lục-tỉnh nước ta,
xưa là thế ấy, nay ra thế nầy!
Tu-bồi đã lắm công dày,
Trên là Nguơn-soái, dưới thì các quan. (3)
Cũng vì khéo tính khéo toan,
hai mươi năm đã rõ-ràng cuộc vui. (4)
Gần đây trước mắt thấy rồi,
gởi lời nói với những người phương xa. (5)
Hàn-hồi sự thật kể ra,
dám đâu thêu-dệt dám là khoe-khoang. (6)
Lời quê tiếng tục ngang-tàng,
giải khuây đỡ chút canh tràng ngâm-nga.



CHUNG.

---

(1) Ngoài đường nó bày ghế-đang hai hàng mỗi nơi mỗi có đèn sáng-trưng, để bán trái-trăng, bán bánh-trái, nước trà-phê. v.v. Coi sướng con mắt, thấy thì bắt vui lòng.

(2) Dẫu không dám ví với cảnh tiên Noa Bông mặc lòng: chớ nó cũng nơi thanh-lịch phiến-hoa hơn các thành bên cõi nam nầy.

(3) Thuở trước đất nầy không ra gì, mà nay ra tử-tế vui-vẻ làm-vậy, là nhờ có quan Tây khéo bày khéo tính mà sửa-sang bồi-bổ cho ra làm-vậy. Thật công-phu đã quá lắm.

(4) Cuộc vui ấy cũng nhờ khéo tính khéo lo các quan Tân-trào mới ra, kể từ Tân-trào lại cho đến nay đã 20 năm rồi.

(5) Ta là người ở đất nầy thì đã thấy rõ-ràng tỏ con-mắt rồi; nên ta nhắn với người ở phương-xa cho người-ta biết:

(6) rằng ta làm cái diệu-vịnh nầy, ta cứ thật ta kể ra không dám thêu-dệt thêm-bớt hay-là nói cho quá mà khoe-khoang đâu.




BIBLIOTECA D'ESCORNALBOU
E. TODA